

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 14 – 6 – 2023  
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Cho
2. Ông Võ Văn Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang** tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2023/TL.ST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim M

Địa chỉ: Ấp NT, xã NNA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Lê Quang T

Địa chỉ: Số 72, PC, Khu phố 4, phường TP, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim M trình bày: Bà và anh Lê Quang T tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2004. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi. Đời sống hôn nhân

có quá nhiều áp lực, đến nay thấy không còn tình cảm nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Lê Thị Kim A(nữ) sinh ngày 05/11/2004 và Lê Anh T(nữ) sinh ngày 13/11/2012. Các cháu hiện đang sống cùng với bà M, sau khi ly hôn bà M yêu cầu được nuôi cháu Anh T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Kim A đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết quyền nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn là ông Lê Quang T trình bày như sau: Ông và bà Nguyễn Thị Kim M tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào năm 2004. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông ăn chơi, thất bại nhiều lần. Tuy nhiên, ông vẫn còn thương vợ con và muốn bà M cho ông cơ hội để hàn gắn nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Lê Thị Kim A(nữ) sinh ngày 05/11/2004 và Lê Anh T(nữ) sinh ngày 13/11/2012. Các cháu hiện đang sống cùng với bà M, nếu Tòa án giải quyết ly hôn ông đồng ý để cháu Lê Anh T cho M nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Kim A đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết về quyền nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Nguyễn Thị Kim M đối với ông Lê Quang T; Về con chung: Giao cháu Lê Anh T(nữ) sinh ngày 13/11/2012 cho bà M nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên ông T chưa phải cấp dưỡng nuôi con

chung; Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.  
Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim M và ông Lê Quang T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T. Bà M có nơi cư trú tại ấp NT, xã NNA, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, ông T đăng ký thường trú tại: Số 72, PC, Khu phố 4, phường TP, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh, bà M, ông T thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A giải quyết vụ án nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên, nguyên đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà M và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống giữa bà M và ông T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà M là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, đời sống hôn nhân có nhiều áp lực, không còn hạnh phúc nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông T.

Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã động viên bà M cho ông T cơ hội để hàn gắn, tuy nhiên bà M vẫn cương quyết ly hôn. Từ khi bà M nộp đơn ly hôn đến nay, ông T cũng chưa có giải pháp gì hiệu quả để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà M và ông T đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông T.

[3.2] Về con chung: Bà M và ông T khai thống nhất có 02 con chung là Lê Thị Kim A(nữ) sinh ngày 05/11/2004 và Lê Anh T(nữ) sinh ngày 13/11/2012. Sau khi ly hôn, bà M yêu cầu được nuôi cháu Anh T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Kim A đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh nên

không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền nuôi dưỡng. Ông T trong quá trình hòa giải đồng ý giao cháu Anh T cho bà M nuôi dưỡng, tại phiên tòa ông T vắng mặt không rõ lý do, cháu Anh T có nguyện vọng sống cùng mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung là cháu Lê Anh T của bà M. Bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên ông T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 267, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim M đối với ông Lê Quang T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Kim M được ly hôn với ông Lê Quang T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Anh T (nữ) sinh ngày 13/11/2012 cho bà Nguyễn Thị Kim M nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 (mười tám) tuổi. Bà Nguyễn Thị Kim M không yêu cầu ông Lê Quang T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Lê Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai thống nhất không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà M Thị Kim T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai số 0002093 ngày 05 tháng 5 năm

2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Bà M đã nộp xong án phí).

5. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim M và bị đơn ông Lê Quang T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND phường Tam Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Chúc Linh**